

Năng động là động lực phát triển của Thư viện



1. Khái niệm về năng động

Trước khi tìm hiểu về nội dung của năng động thư viện, ta cần phải làm sáng tỏ ngữ nghĩa của năng động là gì. Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê làm chủ biên đưa ra định nghĩa: Năng động là có tác động tích cực, làm thay đổi thế giới xung quanh.

Còn theo “Từ điển từ và ngữ Việt Nam” của Nguyễn Lâm thì: Năng động là có khả năng hoạt động tích cực.

Năng động trong tiếng Anh – “Dynamic” còn có thêm nghĩa là động lực.

Như vậy, năng động là động lực, là khả năng hoạt động tích cực của một cá nhân, tập thể nhằm tác động một cách tích cực, có chủ đích để thay đổi thế giới xung quanh.

Vậy nội hàm của năng động trong công tác thư viện là gì? Bài viết này đưa ra một cách lý giải ban đầu và có tính chất cá nhân về nội dung của năng động trong công tác thư viện.

2. Những nội dung cơ bản của “năng động”

Theo cách hiểu của tôi, “năng động” có các nội dung cơ bản sau:

2.1. Năng động là phát triển

Quy luật (law) thứ năm của khoa học thư viện do Ranganathan đề xuất: *Thư viện là cơ quan đang tăng trưởng (a library is a growing organism) (1)*. Phát triển vừa là mục tiêu ban đầu, vừa là kết quả của sự năng động trong một cơ quan thư viện. Năng động phải hướng tới sự phát triển đi lên của thư viện. Nếu thư viện nào đó được coi là năng động nhưng sau một số năm mà không phát triển thì năng động đó chẳng có ích lợi gì. Khi nói đến phát triển thì dù thư viện đó có tuổi đời vài trăm năm cũng vẫn nên coi là trẻ. Nếu không phát triển thì dù thư viện đó mới thành lập cũng bị lão hóa nhanh chóng và dễ đi tới sự diệt vong (ngừng hoạt động). Nhưng cụ thể sự phát triển đó thể hiện trên những khía cạnh nào? Theo tôi, sự phát triển, tăng trưởng cần thể hiện trên các lĩnh vực sau:

- Tăng trưởng vốn tài liệu (bộ sưu tập)

Vốn tài liệu thư viện là công cụ để thư viện phục vụ bạn đọc, phục vụ xã hội. Vốn tài liệu thư viện càng nhiều, càng phong phú về nội dung bao nhiêu thì thư viện càng thực hiện tốt vai trò xã hội của mình bấy nhiêu. Nhiều nước như Hoa Kỳ, Liên xô trước kia bình quân mỗi người dân có trong thư viện công cộng 4 bản sách (tài liệu). Không phải bỗng dưng mà có những nước chi hàng tỷ đô la Mỹ để bổ sung tài liệu, thông tin cho các thư viện. Bởi vì họ quan niệm đó là nguồn lực, là sức mạnh của quốc gia, là công cụ giúp cho dân tộc họ cạnh tranh được với các dân tộc khác. Tuy nhiên vốn tài liệu đó phải luôn được cập nhật, bổ sung những tài liệu mới để đáp ứng tốt nhu cầu đọc và thông tin ngày càng tăng và đa dạng của mỗi công dân, của từng tổ chức và của cả cộng đồng, xã hội. Nhu cầu đó thay đổi hàng ngày phụ thuộc vào nhiệm vụ chính trị, sản xuất, học tập của cá nhân, tổ chức, dân tộc trong từng thời điểm nhất định. Kinh nghiệm của Việt Nam trong những năm 1980, với điều kiện kinh tế cực kỳ khó khăn, cho thấy những thư viện nào thường xuyên có tài liệu mới thì bạn đọc đến sử dụng đông và nhiều. Những thư viện nào không có tài liệu mới thì bạn đọc đến ít dần và nếu tình trạng đó kéo dài thì sẽ không còn bạn đọc. Đặc biệt dễ thấy hiện tượng trên ở thư viện cấp huyện và cơ sở của Việt Nam vào thời kỳ này. Điều đó là hoàn toàn dễ hiểu và đúng quy luật: con người luôn luôn muốn tiếp nhận những thông tin, kiến thức mới. Tất nhiên ở đây ta cũng phải hiểu rằng việc bổ sung thường xuyên vốn tài liệu luôn đi kèm với sự thanh lọc các tài liệu lạc hậu, lỗi thời về nội dung hay hư hỏng về mặt vật lý... của các tài liệu ra khỏi kho thư viện. Điều tự nhiên là số lượng thanh lọc thường kỳ không thể nhiều hơn số lượng tăng trưởng hàng năm của thư viện. Bởi vì, nếu phát triển với mức âm thì chẳng mấy chốc sẽ tiêu tan thư viện.

- Cơ sở vật chất – kỹ thuật

Khi vốn tài liệu gia tăng, kéo theo nó là đòi hỏi phải tăng cường về cơ sở vật chất: nhà cửa kho tàng, giá tủ để cất giữ tài liệu. Gia tăng cả trang thiết bị xử lý, bảo quản tài liệu. Bởi vì nếu không gia tăng cơ sở vật chất thì tài liệu mới nhập về sẽ để lên bất cứ giá đỡ, chỗ trống nào trong kho, thậm chí để cả xuống sàn nhà. Lúc đó tài liệu sẽ bị ẩm mốc và có nguy cơ bị mối mọt. Mặt khác sẽ rất khó khăn trong công tác phục vụ bạn đọc như: không thể tìm và lấy các tài liệu từ các đồng ra. Và như thế bao nhiêu công sức, tiền của bổ sung tài liệu về vớt xuống sông, xuống biển cả. Sẽ có hai giải pháp (lối thoát) cho tình trạng này: ngừng bổ sung sách mới và thanh lọc sớm các tài liệu nhập vào những năm trước. Cả hai giải pháp này đều có hại cho thư viện. Nếu thư viện dùng bổ sung thì chắc chắn vốn tài liệu sẽ bị thiếu những xuất bản phẩm mới mà sau này khi có tiền cũng khó bổ sung

lại được. Còn khi ngừng bổ sung lâu dài thì tương lai của thư viện đã được đề cập tới ở trên. Trong trường hợp thư viện tiến hành thường xuyên thanh lọc tài liệu cũ để phù hợp với số lượng tài liệu mới bổ sung thì dễ xảy ra tình trạng nhiều tài liệu vẫn còn giá trị khoa học, thực tiễn vẫn bị loại ra khỏi kho, kéo theo sự giảm sút chất lượng vốn tài liệu. Những năm gần đây ở Việt Nam, bạn đọc là các nhà chuyên môn, nhà khoa học, sinh viên đã ít đọc tài liệu trên giấy hơn mà bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới các tài liệu điện tử, tài liệu trên mạng. Nhiều thư viện lớn phát triển tài liệu điện tử, kết quả là giảm yêu cầu cho đầu tư điện tích kho, giá tử nhưng lại phải đầu tư cho mua trang thiết bị để lưu giữ, bảo quản và khai thác các tài liệu hiện đại này.

- Bạn đọc

Thực tế ở Việt Nam cho thấy việc gia tăng vốn tài liệu, đặc biệt các tài liệu mới sẽ kéo theo sự gia tăng số lượng bạn đọc, lượt bạn đọc. Nhờ gia tăng vốn tài liệu, cơ sở vật chất mà thư viện có thể tăng số lượng phòng đọc, phòng mượn. Tăng vốn tài liệu có thể giúp thư viện công cộng tổ chức luân chuyển xuống cơ sở. Tài liệu điện tử giúp làm tăng lượt truy cập từ ngoài vào thư viện. Và như thế số lượng bạn đọc thực ngay tại thư viện có thể tăng ít, thậm chí không đến nhưng số lượng bạn đọc ảo tăng lên.

- Người làm công tác thư viện

Để đảm bảo cho thư viện hoạt động bình thường trong điều kiện gia tăng vốn tài liệu, cơ sở vật chất – kỹ thuật, bạn đọc, các thư viện phải tăng thêm người làm. Đó là điều hiển nhiên. Tuy nhiên không phải ở đâu, lúc nào cũng được tăng biên chế. Thực tiễn thư viện nước ta đã nói lên điều đó. Nhiều thư viện tỉnh, thành đã không được tăng nhân lực trong hàng chục năm nay. Điều đó dẫn tới sự quá tải trong công việc của nhân viên thư viện và thư viện cũng không thể phát triển thêm các dịch vụ mới. Tuy vậy, những năm gần đây, nhiều lãnh đạo thư viện tỉnh, thành đã thuyết phục được các cấp quản lý cấp trên tăng biên chế cho thư viện như Phú Thọ, Hải Phòng, Hà Nội, Bình Dương... Cũng cần nhấn mạnh rằng ở một số nước có những tiêu chuẩn để định biên nhưng ở Việt Nam chưa có những chuẩn này. Đúng ra, trước kia đã có một số quy định liên quan đến thư viện cấp huyện. Chẳng hạn, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của thư viện huyện được Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) ban hành năm 1979 đã có quy định: Thư viện huyện có số sách từ 5.000 – 10.000 bản thì biên chế được 2 cán bộ. Khi tăng thêm vốn sách thì cứ 10.000 bản lại thêm 1 cán bộ. Ngoài ra, về công tác đối với cơ sở thì cứ thường xuyên chỉ đạo 10 thư viện xã lại được 1 cán bộ (2). Rất tiếc những định mức này chỉ ghi trong quy chế của thư viện cấp huyện và quy chế đó do Bộ Văn hóa và Thông tin ban hành nên khả năng áp dụng sang các loại hình thư viện khác và thuyết phục chính quyền cấp biên chế cho thư viện còn hạn chế. Nếu những định mức như thế, được nghiên cứu có cơ sở khoa học hơn và được ban hành trong những văn bản quy phạm pháp luật cao hơn như Pháp lệnh Thư viện hay Luật Thư viện sau này thì tác dụng của chúng sẽ lớn hơn rất nhiều lần.

Như vậy, qua những gì trình bày ở trên có thể rút ra một kết luận nho nhỏ: Không có tăng trưởng, phát triển, thư viện không thể đáp ứng được nhu cầu đọc và thông tin của người dân, của xã hội và do đó không thực hiện được các chức năng xã hội của mình.

2.2. Năng động là biến đổi theo sự phát triển của xã hội, khoa học công nghệ

- Biến đổi về nhận thức, quan tâm của cơ quan cấp trên, xã hội về thư viện và đọc sách

Chúng ta quan niệm rằng thư viện là thiết chế xã hội do xã hội tạo lập nên và phục vụ cho xã hội. Chúng ta đã từng đúc kết một kinh nghiệm hay có thể nói khái quát – một quy luật; ở đâu được chính quyền, người dân quan tâm, đầu tư, nơi đó thư viện phát triển. Mà muốn có sự quan tâm, đầu tư của chính quyền, người dân thì có nhiều cách:

+ Thể chế hóa sự quan tâm đó bằng những văn bản quy phạm pháp luật và phải có những chế tài bắt buộc các cấp chính quyền nghiêm túc thực hiện những quy định pháp luật trong các văn bản đó.

+ Thuyết phục bằng hiệu quả phục vụ người đọc, phục vụ xã hội của chính thư viện.

Ở cách thứ nhất, rất khó có được những quy định pháp luật đầy đủ và kịp thời cho công tác thư viện. Mặt khác, các quy định pháp luật ở nhiều nước, trong đó có Việt Nam, thường có “tuổi thọ” khá dài, có thể hàng chục năm, nhiều khi không còn phù hợp với hoàn cảnh hiện tại nên rất khó thực hiện. Chẳng hạn, những quy định về số lượng tên sách, bản sách được bổ sung cho từng hạng thư viện ban hành trong Thông tư liên bộ 97 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Tài chính nước ta ngày 15/6/1990 khi mới ra đời đã có tác dụng rất lớn đối với các thư viện nhưng chỉ sau một số năm đã lạc hậu nên năm 2002 hai Bộ này đã ra Thông tư liên bộ khác có sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư số 97 nói trên. Và cho đến nay một số quy định trong Thông tư sửa đổi đó cũng cần phải điều chỉnh để phù hợp với hành cảnh hiện tại. Ngay Pháp lệnh Thư viện của nước ta vừa ra đời năm 2000, đến nay đã xuất hiện nhiều ý kiến đề nghị có những sửa đổi hay thay thế bằng Luật Thư viện?

+ Thuyết phục các cấp quản lý, xã hội bằng hiệu quả hoạt động của mình. Đây là công việc khó vì công

tác thư viện là công việc có tính chất trầm, lặng. Vì thế, để cho chính quyền, xã hội biết về mình, thư viện sẽ phải:

++ Nắm bắt kịp thời những vấn đề, nhiệm vụ mà cơ quan, đơn vị, xã hội đang giải quyết và đề ra những biện pháp giúp thực hiện thành công các nhiệm vụ đó. Thực tế, nhiều thư viện cấp tỉnh, cấp huyện ở nước ta nhận được đầu tư lớn của nhà nước là do có nhiều đóng góp cho địa phương như Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Hải Dương, Hà Nội, Phú yên, Bình Định, Bình Dương...

++ Thông tin rộng rãi cho công chúng biết về các khả năng và những thành tích đã đạt được trong lĩnh vực phục vụ người dùng, đặc biệt về các kế hoạch, phương hướng phát triển của ngành thư viện, từng thư viện trong tương lai... thông qua các sản phẩm thông tin, tờ thông báo, chương trình phát thanh, truyền hình, các cuộc gặp mặt, tọa đàm với bạn đọc, các hoạt động tham quan thư viện của các nhà báo, doanh nghiệp, lãnh đạo chính quyền các cấp, lãnh đạo các tổ chức xã hội, tôn giáo.

- *Thay đổi về tổ chức sự nghiệp thư viện*

Sự thay đổi điều kiện chính trị, kinh tế – xã hội, tất nhiên, dẫn đến những đổi thay trong phương cách tổ chức sự nghiệp thư viện của từng nước. Liên Xô trước kia, sau khi đã xây dựng một mạng lưới thư viện rộng khắp, để tạo nên hiệu quả trong hoạt động của các thư viện, đã tiến hành việc tập trung hóa thư viện, tạo nên các hệ thư viện tập trung hóa cấp huyện gồm 1 thư viện trung tâm và các chi nhánh ở cấp xã. Xingapo, trong những năm cuối thế kỷ XX, đã xây dựng hệ thống thư viện thống nhất từ cấp trung ương đến cơ sở. Việc ứng dụng CNTT trong các thư viện đang xóa dần những rào cản về sự quản lý của bộ ngành, địa phương để tạo nên một hệ thống thư viện thống nhất trong toàn quốc với nguyên tắc phối hợp, hợp tác trong tổ chức và hoạt động của các thư viện. Những biến đổi về tổ chức như vậy sẽ làm cho thư viện hoạt động tiết kiệm hơn, hiệu quả hơn và do đó nâng cao hơn vị thế của thư viện trong xã hội.

- *Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để biến đổi thư viện*

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, thư viện luôn tìm mọi cách để ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào hoạt động của mình. Đó là ứng dụng các thành tựu khoa học hóa – lý trong bảo quản tài liệu; Khoa học toán cũng giúp tối ưu hóa công tác bổ sung, phân bổ mạng lưới thư viện, tạo lập các phần mềm thư viện; các thành tựu ghi âm, ghi hình tạo ra các phòng phục vụ tài liệu nghe – nhìn; kỹ thuật vi phim để vi phim hóa tài liệu nhằm giảm diện tích kho, nâng cao khả năng bảo quản tài liệu, phục vụ bạn đọc; kỹ thuật photocopy, CNTT, viễn thông đã tạo nên những biến đổi to lớn trong tự động hóa khâu nghiệp vụ và tạo nên những sản phẩm và dịch vụ đáp ứng ở mức cao nhất nhu cầu đọc và thông tin ngày càng đa dạng của người dùng...

Ngoài ra, các thư viện cũng ứng dụng các thành tựu của khoa học xã hội vào công tác của mình. Các thành tựu của tâm lý học, sư phạm học, xã hội học... giúp thư viện nghiên cứu người sử dụng thư viện và tìm ra những phương thức phục vụ phù hợp với tâm sinh lý của họ. Các thành tựu của khoa học quản lý, kinh tế, logic, truyền thông... cũng có những đóng góp quan trọng cho công tác của các thư viện. Có thể nói rằng ngành thư viện đã ứng dụng một cách hợp lý những thành tựu của tất cả các ngành khoa học.

- *Thay đổi kỹ thuật nghiệp vụ*

Cùng với thay đổi về tổ chức, thư viện ở nhiều nước đã nhận thức được tầm quan trọng của việc thống nhất về các chuẩn nghiệp vụ thư viện. Tuy nhiên, mỗi nước có những cách giải quyết khác nhau: có nước tự mình đề ra những chuẩn nghiệp vụ thống nhất trong nước; có nước áp dụng các chuẩn nghiệp vụ của các tổ chức quốc tế; có nước lại lấy các chuẩn nghiệp vụ của nước khác làm chuẩn nghiệp vụ của nước mình. Tuy nhiên, quá trình thống nhất các chuẩn trên thế giới sẽ còn lâu dài do nhiều nước vẫn muốn bảo vệ “bản sắc” nghiệp vụ của nước mình; đồng thời chưa có điều kiện vật chất để chuyển đổi các sản phẩm của mình sang những chuẩn mới.

Việc biết thích nghi với biến đổi của xã hội, của khoa học, công nghệ đã tạo ra thể và lực mới cho thư viện.

2.3 Năng động là tìm những phương cách mới để phục vụ tốt hơn cho xã hội

Trong suốt thời gian dài từ khi ra đời cho đến thế kỷ XIV, thư viện chỉ tiến hành việc phục vụ người sử dụng trong các phòng đọc của mình. Từ giữa thế kỷ XV khi xuất hiện nghề in, các thư viện, do có nhiều bản hơn cho một tên sách, đã mở thêm một hình thức phục vụ mới: cho bạn đọc mượn sách về nhà. Từ giữa thế kỷ XIX, các thư viện châu Âu, Hoa Kỳ bắt đầu tiến hành mượn liên thư viện, phục vụ ngoài thư viện. Hình thức phục vụ ngoài thư viện cũng được nhiều nước áp dụng với những cách thức khác nhau: có nơi thì dùng tàu hỏa, có nơi dùng ô tô, xe máy, xe đạp, có nơi có lúc người cán bộ thư viện lại “cõng” sách trên lưng để đến các vùng chiến sự, vùng núi cao để phục vụ người dân. Với việc số hóa tài liệu và đưa lên mạng toàn cầu, người dùng trên khắp thế giới có thể sử dụng được tài nguyên của bất cứ thư viện nào...

Về đối tượng người sử dụng cũng không ngừng được mở rộng. Nếu mới đầu đó là những vua chúa, quan lại, những người có học, giới thượng lưu trong xã hội thì từ thế kỷ XVIII trở đi – thêm nhân dân lao động, ngay cả những người chưa biết đọc, biết viết. Từ đầu thế kỷ XX các thư viện cộng đồng nhiều nước tiên tiến trên thế

giới còn tổ chức phục vụ cho người tàn tật mà tiêu biểu là người khiếm thị. Từ giữa thế kỷ XX bắt đầu phục vụ các em trước tuổi đến trường, các đối tượng người dùng đặc biệt (bệnh nhân, tù nhân...).

Thư viện cũng luôn tạo ra và cung ứng cho người dùng những sản phẩm và dịch vụ, đồng thời không ngừng nghiên cứu, tìm tòi những phương thức phục vụ phù hợp với từng đối tượng bạn đọc. Nếu trước kia các thư viện phục vụ bạn đọc theo phương thức kho đóng thì từ cuối thế kỷ XIX – xuất hiện thêm phương thức mới – tổ chức kho mở, để bạn đọc vào kho sách tự chọn tài liệu phù hợp. Đối với những người chưa biết đọc, biết viết khi tới thư viện công cộng được cán bộ thư viện tổ chức đọc to nghe chung những cuốn sách, bài báo được nhiều người quan tâm hoặc giúp ích cho nhiều người. Đối với các cháu trước tuổi đến trường, thiếu nhi được thư viện tổ chức các buổi đọc truyện, kể chuyện, vẽ tranh, nặn tượng... nhằm khơi gợi ở các em lòng yêu sách, thích đọc sách, biết thể hiện một cách sáng tạo những gì thu nhận được từ những sách đã đọc. Đối với những người nông dân trung tuổi ở Việt Nam trong những năm 1960 – 1980 thường được khuyến khích tham gia những cuộc thi tìm hiểu những cuốn sách về cây trồng, vật nuôi có sản lượng cao cần được áp dụng vào sản xuất nông nghiệp thời kỳ đó. Người tham gia không chỉ sẽ trình bày những kiến thức khoa học về cây trồng, vật nuôi đó mà còn phải nói lên được cách thức mình áp dụng và kết quả đã đạt được v.v. Những cuộc thi như vậy, diễn ra khi ở cấp quốc gia, khi ở cấp tỉnh, huyện, đã tạo nên nhu cầu đọc sách ở người nông dân và mang lại những kết quả thiết thực trong sản xuất của họ.

Áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào công tác và tìm ra những phương thức, sản phẩm, dịch vụ mới trong nghiệp vụ, các thư viện đã đáp ứng tốt hơn, nhanh hơn, có chất lượng hơn nhu cầu đọc và thông tin của người dùng, của xã hội.

2.4. Năng động là những kết quả phục vụ bạn đọc của thư viện góp phần hoàn thiện con người, biến đổi xã hội

Sử dụng thư viện, đọc sách mang lại nhiều lợi ích cho con người. Có thể liệt kê rất nhiều lợi ích do sử dụng thư viện mang lại như:

- Nâng cao dân trí
- Nâng cao trình độ chuyên môn

Những lợi ích này không cần chứng minh. Chỉ biết rằng nhiều người với nền học vấn không cao nhưng do sử dụng thư viện, do đọc sách họ trở thành những nhà học giả, những nhà trước tác nổi tiếng. Mặt khác, cũng có thể dẫn ra hàng nghìn ví dụ về việc những người được đào tạo kỹ, có nền học vấn siêu đẳng nhưng sớm thỏa mãn, không chịu đọc sách, không chịu tìm tòi thông tin, trở nên những người học vấn thì cao nhưng kiến thức lại thấp.

- Nâng cao ý thức xã hội, ý thức công dân của mỗi thành viên trong xã hội, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, thân thiện hơn.

Những người đọc sách biết được nghĩa vụ và quyền hạn của mình và do đó họ sẽ đấu tranh để đạt được những quyền lợi đó. Trong Tuyên ngôn về thư viện công cộng năm 1994, UNESCO đã khẳng định: “Tự do, phồn vinh và phát triển của xã hội và cá nhân là những giá trị cơ bản của con người. Nhưng những giá trị đó chỉ đạt được với điều kiện là các công dân được thông tin tốt để họ có khả năng sử dụng các quyền dân chủ của mình và đóng vai trò tích cực trong xã hội. Việc tham gia có tính chất xây dựng và phát triển nền dân chủ phụ thuộc vào trình độ học vấn đầy đủ, sự tiếp cận tự do và không hạn chế tới tri thức, tư tưởng, văn hoá và thông tin”(3).

- Sử dụng thư viện, đọc sách là phương cách quan trọng để giữ gìn hòa bình trong nước và trên thế giới. Bởi vì chỉ có thông qua đọc sách (và các hoạt động văn hóa khác nữa), dân tộc này mới hiểu được các dân tộc khác, tìm ra tiếng nói chung của những vấn đề bất đồng, đưa ra những giải pháp chính trị phù hợp và không bạo lực để giải quyết thành công các bất đồng đó. Sứ mệnh đó của thư viện, đặc biệt là thư viện công cộng đã được nêu trong Tuyên ngôn nói trên về Thư viện công cộng: “Giúp phát triển đối thoại giữa các nền văn hoá và giữ gìn bản sắc văn hoá (dân tộc)”(4).

- Có những quyết định đúng trong giải quyết các nhiệm vụ, công việc, học tập... của từng cá nhân, từng tổ chức và của cả xã hội

Thông tin, kiến thức là vô cùng quan trọng. Nhờ nắm được những thông tin chính xác, những kiến thức khoa học, thông qua các nguồn khác nhau mà trước hết là tài liệu, mọi người, cơ quan, tổ chức và nói rộng hơn, cả dân tộc sẽ có những quyết sách đúng khi giải quyết các nhiệm vụ đặt ra trong sản xuất, chiến đấu, nghiên cứu, học tập, kinh doanh...

3. Kết luận

Hoạt động thư viện trên khắp thế giới hiện chưa được xã hội, chính quyền quan tâm đúng mức. Vì thế, sự năng động của thư viện sẽ giúp cho xã hội quan tâm hơn tới thư viện, đầu tư nhiều hơn cho thư viện và đến

lượt mình thư viện sẽ phục vụ xã hội đúng hướng hơn, hiệu quả hơn.

- Muốn đạt được sự năng động, mỗi thư viện, mỗi người làm công tác thư viện, mỗi nhà lãnh đạo thư viện phải dám nghĩ, dám làm, luôn luôn đổi mới, sáng tạo trong cách nghĩ, cách làm.
- Chỉ có năng động, thư viện mới phát triển vì thế chúng tôi gọi năng động là động lực phát triển của các thư viện.

Tài liệu tham khảo

1. World Encyclopedia of Library and Information Services: 3rd ed. – Chicago: American Library Association, 1993. – 905tr.
2. Tuyên ngôn năm 1994 của UNESCO về thư viện công cộng/Lê Văn Viết dịch//Về công tác thư viện: Các văn bản pháp quy hiện hành về thư viện. – H.: Vụ Thư viện, 2008. – tr.283–287.
3. Từ điển Anh – Việt/Lê Khả Kế... - H.: NXB Khoa học xã hội, 1975. – tr.513.
4. Từ điển tiếng Việt/Hoàng Phê chủ biên. – H., Đà Nẵng: Trung tâm từ điển học, NXB Đà Nẵng, 2000. – tr.660.
5. Từ điển từ và ngữ Việt Nam/Nguyễn Lâm. – Tp. Hồ Chí Minh: NXB Tp. Hồ Chí Minh, 2000. – tr.1224.

-
1. World Encyclopedia of Library and Information Services: third ed. – Chicago, American library Association, 1993. – Tr.697.
 2. Quy chế tổ chức và hoạt động của thư viện huyện: ban hành kèm theo Quyết định số 115-VHTT/QĐ ngày 29 tháng 8 năm 1979 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin//Về công tác thư viện. – H.: vụ Thư viện, 2005. – Tr. 120.
 3. Tuyên ngôn năm 1994 của UNESCO về thư viện công cộng/Lê Văn Viết dịch//Về công tác thư viện: các văn bản pháp quy hiện hành về thư viện. – H.: Vụ Thư viện,2008. – Tr. 283.
 4. Tuyên ngôn năm 1994 của UNESCO về thư viện công cộng/Lê Văn Viết dịch//Về công tác thư viện: các văn bản pháp quy hiện hành về thư viện. – H.: Vụ Thư viện,2008. – Tr. 285.

TS. Lê Văn Viết: Thư viện Quốc gia Việt Nam